

Số: / /TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm

**DỰ THẢO ngày
25/9/2026****THÔNG TƯ****Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng công bố thông tin bao gồm:

- Công ty đại chúng;
- Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng;
- Tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng;
- Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp;

đ) Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là chi nhánh công ty chứng khoán và

công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam); văn phòng đại diện công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

e) Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (sau đây gọi là Sở Giao dịch Chứng khoán); Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam);

g) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định pháp luật;

h) Thành viên lưu ký, thành viên bù trừ, ngân hàng lưu ký thanh toán;

i) Ngân hàng thanh toán giao dịch chứng khoán là ngân hàng thương mại, ngân hàng thành viên thanh toán giao dịch công cụ nợ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty đại chúng quy mô lớn* là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

2. *Quỹ đại chúng* là quỹ đóng, quỹ mở, quỹ hoán đổi danh mục, quỹ đầu tư bất động sản và công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

3. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:

a) Người nội bộ của công ty đại chúng, người nội bộ của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và người có liên quan của người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

c) Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

d) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

đ) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư hoặc nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

e) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng của quỹ đầu tư mục tiêu; công ty mục tiêu, công ty quản lý quỹ đầu tư mục tiêu.

4. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

5. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

6. *Ngày báo cáo* là ngày thông tin được tiếp nhận trên Cổng báo cáo, công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện báo cáo, công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nhận được bản giấy, bản fax, thư điện tử, tùy theo thời điểm nào đến trước.

7. *Tổ chức niêm yết cổ phiếu* là tổ chức có cổ phiếu phát hành được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

8. *Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp* là tổ chức có trái phiếu doanh nghiệp phát hành được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

9. *Tổ chức đăng ký giao dịch* là tổ chức có cổ phiếu phát hành được đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

10. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

11. *Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:

a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở Giao dịch Chứng khoán;

b) Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;

c) Là ngày các bên hoặc thành viên lưu ký của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

đ) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

12. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:

a) Là ngày chuyển quyền sở hữu chứng khoán có hiệu lực trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở Giao dịch Chứng khoán;

b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp thực hiện quyền mua của các đợt chào bán, phát hành chứng khoán;

c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

d) Là ngày chuyển quyền sở hữu chứng khoán có hiệu lực, chuyển nhượng quyền mua tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;

đ) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

e) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

13. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ lưu ký hoặc tổ chức phát hành xác lập danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với quy định của pháp luật;

14. Ban điều hành bao gồm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Số định danh cá nhân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và g khoản 1 Điều 2 Thông tư này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch, nơi tổ chức đó là thành viên giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này mà cá nhân đó không đồng ý công khai các thông tin này thì đối tượng công bố thông tin phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán đồng thời 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao

gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Thông tư này.

5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Thông tư này như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

6. Các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và g khoản 1 Điều 2 Thông tư này khi thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch, nơi tổ chức đó là thành viên giao dịch phải kèm theo các tài liệu liên quan đến nội dung báo cáo.

Điều 5. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

1. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt.

2. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp, tổ chức niêm yết chứng quyền có đảm bảo, quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn, Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

3. Công ty đại chúng, tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng, tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, quỹ đại chúng không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này, Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện công bố thông tin bằng tiếng Việt đồng thời bằng tiếng Anh theo lộ trình sau:

a) Công bố thông tin định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027;

b) Công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu và công bố thông tin về các hoạt động khác đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01

tháng 01 năm 2028.

4. Thành viên lưu ký không phải là công ty chứng khoán, thành viên bù trừ, ngân hàng lưu ký thanh toán, ngân hàng thanh toán giao dịch chứng khoán là ngân hàng thương mại, ngân hàng thành viên thanh toán giao dịch công cụ nợ thực hiện công bố thông tin bằng tiếng Việt đồng thời bằng tiếng Anh kể ngày 01 tháng 01 năm 2028.

5. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng. Khi phát hiện có sai lệch thông tin công bố giữa tiếng Việt và tiếng Anh, tổ chức công bố thông tin phải kịp thời đính chính và công bố lại theo quy định.

Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin

1. Các đối tượng công bố thông tin là tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được uỷ quyền công bố thông tin của tổ chức đó.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được uỷ quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 thành viên Ban điều hành chịu trách nhiệm công bố thông tin;

b) Tổ chức phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, uỷ quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy uỷ quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I.A ban hành kèm theo Thông tư này hoặc Biên bản họp về việc bầu, chỉ định người chịu trách nhiệm công bố thông tin trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc uỷ quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đại chúng, thành viên lưu ký hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định

định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;

b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật;

c) Cá nhân phải báo cáo, báo cáo lại (nếu có thay đổi) thông tin về người được ủy quyền công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền công bố thông tin có hiệu lực, kèm Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I.B ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Thông tư này và pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

4. Việc công bố thông tin của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện.

Điều 7. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử (website) của tổ chức là đối tượng công bố thông tin;

b) Cổng báo cáo, công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c) Phương tiện báo cáo, công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán;

d) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

2. Tổ chức là đối tượng công bố thông tin phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

a) Công ty đại chúng phải lập trang thông tin điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng phải lập trang thông tin điện tử trước khi thực hiện chào bán. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải lập trang thông tin điện tử khi chính thức hoạt động. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp, tổ chức niêm yết cổ phiếu, tổ chức đăng ký giao dịch phải lập trang thông tin điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán;

b) Các tổ chức khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

c) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế về công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát hoặc của Ủy ban kiểm toán, Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Thông tư này;

d) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Công ty đại chúng, tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng, tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

4. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên giao dịch, tổ chức phát hành chứng quyền có đảm bảo, quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

5. Sở Giao dịch Chứng khoán tiếp nhận báo cáo của các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Thông tư này và thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

6. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, đối tượng nêu tại khoản 3 và khoản 4 Điều này thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này theo thời hạn quy định và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

7. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật của các đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

8. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên Công báo cáo, công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện báo cáo, công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin và hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán.

9. Đối tượng công bố thông tin không thực hiện được việc công bố trên các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này phải gửi bản giấy hoặc bản fax hoặc thư điện tử để báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ, kịp thời các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Điều 9. Công bố thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng, không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Chứng khoán, công ty đại chúng có trách nhiệm công bố thông tin về việc trở thành công ty đại chúng kèm bản công bố thông tin về công ty đại chúng.

2. Công ty đại chúng thuộc trường hợp không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật về đăng ký công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng.

Điều 10. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính được lập theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ của tổ chức khác, công ty đại chúng phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chúng là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ của tổ chức khác, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, công ty đại chúng phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

b) Công ty đại chúng phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính. Trường hợp báo cáo tài chính năm có điều chỉnh hồi tố thì phải công bố kèm theo kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính.

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm

Công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Công ty đại chúng phải lập và công bố báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán. Trường hợp tính đến thời điểm công bố báo cáo thường niên mà công ty chưa có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, thông tin tài chính trong báo cáo thường niên theo số liệu báo cáo tài chính năm. Công ty phải nêu rõ trong báo cáo thường niên việc sử dụng thông tin tài chính theo số liệu chưa được kiểm toán và chịu trách nhiệm cập nhật, công bố lại thông tin tài chính trong thời hạn 24 giờ kể từ khi có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn, công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo toàn bộ tài liệu họp, bao gồm: Thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông đã công bố nếu có sửa đổi nội dung phải được cập nhật và công bố tối thiểu 03 ngày trước ngày họp; đối với các nội dung bổ sung mới vào chương trình họp (nếu có) phải được công bố tối thiểu 21 ngày trước ngày họp.

Trường hợp công ty đại chúng nhận được văn bản kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, thay thế (nếu có), công ty đại chúng phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản kiến nghị, đồng thời cập nhật vào dự kiến chương trình họp theo quy định;

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

4. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm tài chính.

5. Công ty đại chúng phải lập và công bố thông tin về phát triển bền vững bao gồm các yếu tố về môi trường, xã hội, quản trị (ESG) theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này cùng thời điểm công bố báo cáo thường niên. Công ty đại chúng có thể lập riêng báo cáo phát triển bền vững hoặc lập trong báo cáo thường niên, thông tin về phát triển bền vững tại báo cáo riêng phải phù hợp với các nội dung quy định tại Phụ lục V Thông tư này.

Công ty đại chúng công bố thông tin về phát triển bền vững theo nguyên tắc sau:

a. Công ty đại chúng phải công bố thông tin đầy đủ các chỉ tiêu môi trường, xã hội, quản trị trong trường hợp có thể tự xác định và đo lường.

b. Trường hợp công ty đại chúng chưa công bố một hoặc một số chỉ tiêu về phát triển bền vững theo mẫu quy định tại Phụ lục V Thông tư này phải trình bày về lý do, nguyên nhân chưa thực hiện công bố các chỉ tiêu này, đồng thời nêu rõ kế hoạch, lộ trình triển khai công bố thông tin trong kỳ báo cáo tiếp theo trừ trường hợp công ty đại chúng thuộc đối tượng phải báo cáo theo pháp luật chuyên ngành.

c. Công ty đại chúng công bố thông tin về phát triển bền vững trên nguyên tắc đầy đủ, trung thực, nhất quán, kịp thời. Công ty đại chúng chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các nội dung công bố thông tin về phát triển bền vững trong tài liệu báo cáo.

d. Trong trường hợp có sự khác biệt về quy định công bố thông tin phát triển bền vững tại Thông tư này với pháp luật chuyên ngành mà công ty đại chúng chịu sự điều chỉnh, quy định tại pháp luật chuyên ngành được ưu tiên áp dụng.

Điều 11. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty đại chúng phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị đình chỉ hoạt động hoặc bị chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu, quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; khi có sự thay đổi mã số thuế;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc không mua thêm cổ phần, từ chối mua thêm cổ phần, bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

l) Quyết định thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm người nội bộ); khi nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ; khi nhận được thông báo thay đổi thông tin của người nội bộ, thay đổi danh sách người có liên quan của người nội bộ. Trường hợp công bố quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại người nội bộ, khi nhận được thông báo thay đổi thông tin của người nội bộ, thay đổi danh sách người có liên quan của người nội bộ, công ty phải công bố kèm theo Bản cung cấp thông tin của người nội bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch với một tổ chức, cá nhân có giá trị giao dịch lớn hơn 15% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị lớn hơn 15% trên tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính kỳ gần nhất. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ trên chỉ tiêu "tổng giá trị tài sản" có giá trị thấp hơn trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất;

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán nước ngoài.

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, công ty đại chúng phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, công ty đại chúng phải công bố thông tin đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến;

c) Công ty đại chúng công bố thông tin về việc hủy thông báo ngày đăng ký cuối cùng cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 04 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng đã được thông báo.

5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, công ty đại chúng phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 13. Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty đại chúng

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty đại chúng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty đại chúng phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận đầy đủ hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa hoặc hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trên các phương tiện báo cáo, công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU, CÔNG TY ĐẠI CHÚNG QUY MÔ LỚN

Điều 14. Công bố thông tin định kỳ

1. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố các nội dung định kỳ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét (nếu có) và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần. Trường hợp báo cáo tài chính bán niên có điều chỉnh hồi tố thì phải công bố kèm theo kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên

Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

b) Báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận

soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần. Trường hợp báo cáo tài chính quý có điều chỉnh hồi tố thì phải công bố kèm theo kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý

Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn đã thực hiện công bố báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn 20 ngày (đối với tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn không phải là công ty mẹ của tổ chức khác và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng) hoặc 30 ngày (đối với tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng) kể từ ngày kết thúc quý thì không phải thực hiện công bố báo cáo tài chính quý.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

Điều 15. Công bố thông tin bất thường

1. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố thông tin bất thường trong các trường hợp quy định tại Điều 11 Thông tư này.

2. Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện

sau đây:

- a) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
- b) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với một tổ chức, cá nhân có giá trị từ 10% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính kỳ gần nhất. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ, căn cứ trên chỉ tiêu tổng giá trị tài sản có giá trị thấp hơn trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất;
- c) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

Điều 16. Công bố thông tin theo yêu cầu

Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Điều 17. Công bố thông tin về các hoạt động khác của tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn

Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn công bố thông tin về các hoạt động khác theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

Điều 18. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn

1. Công ty đại chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư này kể từ thời điểm có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư này.

Chương IV

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RA CÔNG CHÚNG, TỔ CHỨC NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP VÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH THỰC HIỆN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Điều 19. Công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng

1. Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định

pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng.

2. Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin các nội dung sau:

a) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo thường niên và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên (đối với tổ chức phát hành là công ty cổ phần) kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 10 Thông tư này;

b) Tổ chức phát hành (trừ trường hợp là tổ chức tín dụng huy động vốn không để thực hiện dự án) phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi giải ngân hết số tiền đã huy động, cụ thể như sau:

Tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Hội đồng thành viên thường niên;

Định kỳ 06 tháng, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;

c) Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng phải công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch;

d) Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có);

đ) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, tổ chức phát hành phải thông báo tới từng trái chủ (theo các hình thức trái chủ đã đăng ký với tổ chức phát hành) và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu;

e) Công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Điều 20. Công bố thông tin của tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp

1. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp là công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các Điều 10, 11, 12 và 13 Thông tư này.

2. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp là tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các Điều 14, 15, 16 và 17 Thông tư này.

3. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện công bố thông tin kể từ thời điểm trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc thời điểm trái phiếu doanh nghiệp bị hủy niêm yết tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:

a) Công bố định kỳ báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo thường niên theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Thông tư này. Khi công bố thông tin định kỳ báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Tổ chức niêm yết trái phiếu phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 14 Thông tư này;

b) Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư này (Hội đồng quản trị được đổi thành Hội đồng thành viên nếu là công ty trách nhiệm hữu hạn);

c) Công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Điều 21. Công bố thông tin của tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng

1. Tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng phải công bố thông tin về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán cổ phiếu ra công chúng.

2. Tổ chức phát hành có vốn góp của chủ sở hữu sau khi hoàn thành chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng từ 120 tỷ đồng trở lên thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các Điều 14, 15, 16 và 17 Thông tư này.

Chương V

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 22. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 14 Thông tư này (trường hợp công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là công ty trách nhiệm hữu hạn thì Đại hội đồng cổ đông được đổi thành Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị được đổi thành Hội đồng thành viên).

2. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6 đã được soát xét và tại

ngày 31/12 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận cùng thời điểm với việc công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Điều 23. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là công ty cổ phần, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 15 Thông tư này và trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, chi nhánh, người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh; Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

b) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh;

c) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đặt công ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, đình chỉ nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, đình chỉ nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, tạm ngừng hoạt động;

d) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

đ) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh;

e) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài;

g) Khi hoàn tất các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng; khi hoàn tất các giao dịch dẫn tới làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm

từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

h) Khi công ty chứng khoán tự nguyện chấm dứt, ngừng cung cấp một trong các sản phẩm, dịch vụ, nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;

i) Khi công ty chứng khoán bị sự cố công nghệ thông tin làm ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng.

2. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là công ty trách nhiệm hữu hạn phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, h, i, l, n, o, p, r và s khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 15 và khoản 1 Điều này (Đại hội đồng cổ đông được đổi thành Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty, Hội đồng quản trị được đổi thành Hội đồng thành viên).

3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 24. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi có thông tin liên quan đến công ty, chi nhánh ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

2. Nội dung thông tin công bố quy định tại khoản 1 Điều này phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 25. Công bố thông tin khác của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố thông tin về hoạt động trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến chính thức hoạt động.

2. Công ty chứng khoán phải công bố thông tin tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty về các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch,

thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của công ty.

3. Công ty chứng khoán khi thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán đã đăng ký biện pháp bảo đảm cho bên thứ ba của khách hàng là cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty chứng khoán đồng thời báo cáo Sở Giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này. Sau khi giao dịch được thực hiện, công ty chứng khoán phải thông báo về kết quả giao dịch cho khách hàng chậm nhất vào cuối ngày giao dịch để khách hàng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Điều 31, Điều 33 Thông tư này.

4. Công ty chứng khoán là tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng quyền có bảo đảm.

5. Ngoài trừ trường hợp khách hàng ủy thác đứng tên sở hữu, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam cùng khách hàng ủy thác phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định sau:

a) Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng cho cổ đông lớn theo quy định tại Điều 31 Thông tư này khi toàn bộ số cổ phiếu thuộc sở hữu của công ty quản lý quỹ và các khách hàng ủy thác hoặc số cổ phiếu thuộc sở hữu của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty mẹ của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam và các khách hàng ủy thác đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng hoặc sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, ngoại trừ khách hàng ủy thác là quỹ ETF;

b) Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng cho người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều 33 Thông tư này khi công ty quản lý quỹ là người có liên quan của người nội bộ, ngoại trừ giao dịch hoán đổi và tái cơ cấu danh mục định kỳ theo chỉ số tham chiếu của quỹ ETF.

6. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán thay cho khách hàng của mình khi đứng tên sở hữu tài sản ủy thác của khách hàng trong trường hợp khách hàng của mình thuộc đối tượng công bố thông tin. Trường hợp khách hàng đứng tên sở hữu tài sản ủy thác, hoặc công ty quản lý quỹ đứng tên sở hữu tài sản ủy thác và khách hàng chỉ định đầu tư, khách hàng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật.

7. Ngoài các quy định nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải tuân thủ các nghĩa vụ công bố thông tin khác theo quy định tại Điều 13 Thông tư này và quy định

pháp luật về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

8. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thanh toán tiền mua cổ phiếu cho công ty chứng khoán theo quy định tại các khoản Điều Thông tư số/...../TT-BTC, công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức thực hiện đặt lệnh giao dịch phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này ngay trong ngày nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho công ty chứng khoán theo quy định.

Chương VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG, CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN ĐẠI CHÚNG

Điều 26. Công bố thông tin định kỳ về quỹ đại chúng

1. Công bố thông tin định kỳ của quỹ đại chúng

a) Báo cáo tài chính

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính quý của quỹ. Nội dung báo cáo tài chính thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ có liên quan. Thời hạn công bố báo cáo tài chính thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 14 Thông tư này;

b) Báo cáo hoạt động đầu tư

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải báo cáo và công bố định kỳ hằng tháng, quý, năm các báo cáo hoạt động đầu tư của quỹ theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

c) Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng định kỳ hằng tuần và công bố giá trị tài sản ròng của quỹ muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

d) Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố định kỳ báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ của quỹ đại chúng bán niên và hằng năm theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

2. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin liên quan tới Đại hội nhà đầu tư của quỹ đại chúng theo quy định áp dụng đối với

Đại hội đồng cổ đông của công ty đại chúng tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

3. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin về danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của quỹ đại chúng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm và kết thúc năm tài chính theo mẫu quy định tại mục VIII.1 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Ngoài các quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải tuân thủ các nghĩa vụ công bố thông tin khác của quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

5. Trừ các báo cáo tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều này, thời hạn công bố các thông tin định kỳ khác của quỹ đại chúng như sau:

a) Đối với thông tin công bố định kỳ hằng tuần: Tại ngày làm việc đầu tiên của tuần kế tiếp hoặc tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá (đối với quỹ mở);

b) Đối với thông tin công bố định kỳ hằng tháng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc tháng gần nhất;

c) Đối với thông tin công bố định kỳ hằng quý: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày kết thúc quý gần nhất;

d) Đối với thông tin công bố định kỳ 06 tháng (bán niên): Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng (bán niên) gần nhất;

đ) Đối với thông tin công bố định kỳ hằng năm: Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm gần nhất.

Điều 27. Công bố thông tin bất thường về quỹ đại chúng

1. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây đối với quỹ đại chúng:

a) Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư;

b) Quyết định thay đổi vốn điều lệ của quỹ đóng;

c) Được cấp hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đại chúng ra công chúng;

d) Bị đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán chứng chỉ quỹ đại chúng; quỹ đại chúng chào bán không thành công;

đ) Sửa đổi Điều lệ, Bản cáo bạch;

e) Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể, thay đổi thời hạn hoạt động, thanh lý tài sản của quỹ đại chúng;

g) Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ, Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;

h) Định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng;

i) Thay đổi tên quỹ, thay đổi ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; thay đổi thành viên lập quỹ, tổ chức tạo lập thị trường (đối với quỹ ETF);

k) Vượt mức các hạn chế đầu tư và điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của quỹ đại chúng;

l) Tạm ngừng giao dịch hoán đổi hoặc mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu vượt quá mức cho phép (đối với quỹ ETF);

m) Các trường hợp quy định tại các điểm a, đ, g, l, n và o khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

2. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin về Đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc việc lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này.

3. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố các thông tin bất thường khác về quỹ đại chúng theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

4. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán khi công bố thông tin về các sự kiện quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

5. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho nhà đầu tư của quỹ đại chúng theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư này.

Điều 28. Công bố thông tin định kỳ về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Báo cáo tài chính

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính quý của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

2. Báo cáo hoạt động đầu tư

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố định kỳ hằng tháng, quý, năm báo cáo hoạt động đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố định kỳ hằng tuần báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

4. Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố định kỳ bán niên, hằng năm báo cáo tổng kết hoạt động quản lý công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

5. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin về danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm và kết thúc năm tài chính theo mẫu quy định tại mục VIII.1 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

7. Trừ các báo cáo tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều này, thời hạn công bố thông tin định kỳ khác của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Thông tư này.

Điều 29. Công bố thông tin bất thường về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây đối với công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

a) Bị đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

b) Tạm ngừng giao dịch cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

c) Sửa đổi Điều lệ, Bản cáo bạch;

d) Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, thay đổi thời hạn hoạt động, thanh lý tài sản của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; bị thu hồi Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động đối với công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

đ) Quyết định chào bán, phát hành cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; được cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng, Giấy chứng nhận đăng ký phát hành thêm cổ phiếu; Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của công ty;

e) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

g) Định giá sai giá trị tài sản ròng của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

h) Thay đổi tên công ty, thay đổi công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán,

ngân hàng giám sát;

i) Vượt hạn mức đầu tư và điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của công ty;

k) Các sự kiện khác có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng tài chính, hoạt động của công ty;

l) Các trường hợp quy định tại các điểm a, c, đ, g, i, l, n và o khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

2. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này.

3. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư này;

4. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố các thông tin bất thường khác về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 30. Công bố thông tin theo yêu cầu về quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin liên quan tới quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này và trong các trường hợp sau:

a) Có thông tin liên quan ảnh hưởng đến việc chào bán, giá chứng chỉ quỹ đại chúng; cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

b) Có thay đổi bất thường về giá, khối lượng giao dịch chứng chỉ quỹ đại chúng; cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

c) Các sự kiện khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi niêm yết chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán, trong đó nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán yêu cầu công bố, nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó.

Chương VII

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 31. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc khi không còn là cổ đông lớn của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải công bố thông tin về giao dịch cho công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn hoặc kể từ ngày không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khi có giao dịch làm thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin cho công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán làm thay đổi tỷ lệ sở hữu qua ngưỡng 1% (giao dịch tại ngày T'), ông A phải công bố thông tin cho công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

3. Trong thời hạn công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều này mà tổ chức, cá nhân liên tục giao dịch dẫn đến trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn hoặc có sự thay đổi liên tục tỷ lệ sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc trong thời hạn công bố thông tin quy định tại khoản 2 Điều này mà cổ đông lớn của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng tiếp tục giao dịch dẫn đến có sự thay đổi liên tục tỷ lệ sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thì được công bố thông tin gộp các giao dịch dẫn đến trở thành cổ đông lớn, không còn là cổ đông lớn, thay đổi tỷ lệ sở hữu qua các ngưỡng 1% trong cùng một bản công bố thông tin cho công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với cổ phiếu

niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi đầu tiên, theo mẫu quy định tại Phụ lục X và Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X từ 5,2% lên 6,1%. Tiếp sau đó, vào ngày T+1, T+2, T+4, ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X tương ứng từ 6,1% lên 7,2%, 7,2% lên 9,2% và từ 9,2% lên 10,9%. Giao dịch tại ngày T, T+1, T+2, T+4 đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, 7%, 9% và 10%), ông A được công bố thông tin cho công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán về các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu qua các ngưỡng 1% (tại ngày T, T+1, T+2, T+4) trong cùng một bản công bố thông tin trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán đầu tiên làm thay đổi tỷ lệ sở hữu qua ngưỡng 1% (giao dịch tại ngày T).

4. Thời điểm trở thành cổ đông lớn, thời điểm không còn là cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư này.

5. Quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng. Nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục XII và Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng mà nhóm nhà đầu tư đó nắm giữ.

Nhà đầu tư trong nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện giao dịch làm phát sinh nghĩa vụ công bố thông tin của nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. Trường hợp trong cùng 01 ngày giao dịch mà có nhiều nhà đầu tư trong cùng nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan quy định tại khoản này thực hiện giao dịch dẫn đến nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên hoặc không còn sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng, tổ chức phát hành, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, chứng chỉ quỹ của quỹ đóng

hoặc làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan qua ngưỡng 1% thì các nhà đầu tư giao dịch trong ngày đều có nghĩa vụ thực hiện công bố thông tin về giao dịch của mình theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

6. Quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc công ty đại chúng, tổ chức phát hành phát hành thêm cổ phiếu; giao dịch theo quyết định của cơ quan thi hành án; giao dịch chào mua công khai. Tổ chức, cá nhân giao dịch chào mua công khai thực hiện theo quy định pháp luật về chào mua công khai.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được thông tin công bố của các đối tượng được quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này, công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 32. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp phải công bố thông tin về dự kiến giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), công ty đại chúng và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên sau 03 ngày làm việc kể từ ngày thông tin về dự kiến giao dịch xuất hiện trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển nhượng nêu trên.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông sáng lập phải công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), công ty đại chúng và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán về kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được thông tin công bố của các đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 33. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng (sau đây gọi chung là người nội bộ) và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người nội bộ và người có liên quan) phải công bố thông tin trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán khi tổng giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng dương lịch từ 300 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc tính theo mệnh giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ dự kiến được chuyển đổi theo phương án phát hành (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), bao gồm cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định pháp luật chứng khoán, cụ thể như sau:

Ví dụ: Ông A – người nội bộ Công ty X, thực hiện hoặc chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng 20.000 quyền mua trái phiếu chuyển đổi (theo phương án phát hành, 1 quyền mua trái phiếu chuyển đổi được mua 1 trái phiếu chuyển đổi; tỷ lệ chuyển đổi: 1 trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành 10 cổ phiếu). Như vậy, theo phương án phát hành, số cổ phiếu dự kiến được chuyển đổi là 200.000 cổ phiếu; giá trị giao dịch tính theo mệnh giá cổ phiếu là $200.000 \text{ cổ phiếu} \times 10.000 \text{ đồng/cổ phiếu} = 200.000.000 \text{ đồng}$.

a) Người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI hoặc Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên sau 03 ngày làm việc kể từ ngày thông tin về dự kiến giao dịch xuất hiện trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;

Ví dụ: Ngày T là ngày thông tin về việc dự kiến giao dịch của người nội bộ và người có liên quan xuất hiện trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán. Như vậy, người nội bộ và người có liên quan được giao dịch từ ngày T+4.

b) Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện giao dịch theo khối lượng đã công bố thông tin và phải đảm bảo thời gian giao dịch không vượt quá 30 ngày kể từ ngày thông tin về dự kiến giao dịch xuất hiện trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán ;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch hoặc kết thúc thời hạn giao dịch theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này (đối với trường hợp chưa hoàn tất giao dịch), người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII hoặc Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện chuyển quyền sở hữu theo quy định tại điểm khoản..... Điều..... Thông tư số/...../TT-BTC, các điểm khoản Điều Thông tư số/...../TT-BTC thì được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện bán cổ phiếu nhận về trên tài khoản tự doanh trên hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản Điều Thông tư số/...../TT-BTC và điểm khoản Điều Thông tư/...../TT-BTC, việc miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm a khoản này được áp dụng cho giao dịch thực hiện trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày cổ phiếu về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán quy định tại các khoản Điều Thông tư số/...../TT-BTC, các điểm khoản Điều Thông tư số/...../TT-BTC.

3. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ; giao dịch chào mua công khai; góp vốn bằng cổ phần vào doanh nghiệp; giao dịch thông qua phương thức đấu giá; nhận thừa kế chứng khoán; chuyển quyền sở hữu cổ phiếu theo bản án, quyết định của tòa án, cơ quan có thẩm quyền, đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này và thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

4. Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký.

5. Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 33 đồng thời là đối tượng phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan quy định tại Điều này.

6. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư này thì phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư này.

7. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a và điểm b khoản 1, khoản 4 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này.

8. Trường hợp sau khi thông tin về dự kiến giao dịch xuất hiện trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán, đối tượng công bố thông tin không còn là người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng công bố thông tin vẫn phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

9. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc quỹ đại chúng niêm yết, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết, công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

10. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan quy định tại Điều này.

11. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin công bố của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

12. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán phải công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch khi tổng giá trị giao dịch trong từng tháng dương lịch từ 300 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá, bao gồm trường hợp chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 24 giờ kể từ các thời điểm sau đây:

a) Hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán theo quy định tại các khoản ...Điều ... Thông tư số/TT-BTC, các điểm khoản Điều Thông tư số/...../TT-BTC;

b) Công ty chứng khoán hoàn tất việc bán cổ phiếu theo quy định tại khoản ... Điều ... Thông tư số .../TT-BTC, điểm khoản Điều Thông tư/...../TT-BTC.

Điều 34. Công bố thông tin về quỹ hoán đổi danh mục

1. Trong giao dịch hoán đổi và giao dịch tái cơ cấu danh mục theo chỉ số tham chiếu, quỹ hoán đổi danh mục được miễn trừ nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều 31 và Điều 33 Thông tư này.

2. Thành viên lập quỹ và tổ chức tạo lập thị trường của quỹ hoán đổi danh mục được miễn trừ nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều 31 và Điều 33 Thông tư này khi giao dịch chứng khoán cơ cấu của quỹ hoán đổi danh mục trong các trường hợp sau:

a) Mua chứng khoán cơ cấu để thực hiện hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ nhằm đáp ứng lệnh mua của nhà đầu tư khi thực hiện nghĩa vụ tạo lập thị trường;

b) Bán chứng khoán cơ cấu là kết quả của việc hoán đổi từ chứng chỉ quỹ nhằm đáp ứng lệnh bán từ nhà đầu tư khi thực hiện nghĩa vụ tạo lập thị trường.

3. Tổ chức tạo lập thị trường của quỹ hoán đổi danh mục được miễn trừ nghĩa vụ công bố thông tin trước khi thực hiện giao dịch của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 34 Thông tư này khi thực hiện giao dịch tạo lập thị trường cho chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục theo mã nhận diện lệnh được Sở Giao dịch Chứng khoán cấp.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch hoán đổi, nhà đầu tư hoặc thành viên lập quỹ là người nội bộ của tổ chức niêm yết và người có liên quan của các đối tượng này phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 33 Thông tư này.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch hoán đổi, nhà đầu tư hoặc thành viên lập quỹ là cổ đông lớn của tổ chức niêm yết phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư này.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch hoán đổi của người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn của tổ chức niêm yết theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này, tổ chức niêm yết phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty

Điều 35. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai, công ty mục tiêu và công ty quản lý quỹ đầu tư mục tiêu phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai.

Điều 36. Công bố thông tin của thành viên lưu ký

1. Thành viên lưu ký là công ty chứng khoán phải thực hiện công bố thông tin bất thường trên trang thông tin điện tử của thành viên lưu ký theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư này và trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Khi nhận được quyết định của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về việc xử lý vi phạm từ hình thức khiển trách trở lên;

b) Bị mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán phải áp dụng các biện pháp hỗ trợ thanh toán theo quy định pháp luật chứng khoán;

c) Hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố bất khả kháng làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cho khách hàng;

d) Khi nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Thành viên lưu ký là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện công bố thông tin bất thường trên trang thông tin điện tử của thành viên lưu ký trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này;

b) Khi nhận được văn bản thông báo hoặc quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bị đặt vào tình trạng can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt theo quy định pháp luật ngân hàng.

Điều 37. Công bố thông tin của thành viên bù trừ, ngân hàng lưu ký thanh toán

1. Thành viên bù trừ là công ty chứng khoán phải thực hiện công bố thông tin bất thường trên trang thông tin điện tử của thành viên bù trừ theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư này và trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Bị mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán phải áp dụng các biện pháp hỗ trợ, đảm bảo thanh toán theo quy định pháp luật chứng khoán;

b) Kết quả kinh doanh thua lỗ từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên;

c) Khi nhận được quyết định của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về việc xử lý vi phạm từ hình thức khiển trách trở lên;

d) Không còn đáp ứng được một trong các điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán đối với công ty chứng khoán theo quy định tại Điều 151 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 66 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP; điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phải sinh theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 và khoản 10 Điều 2 Nghị định số 306/2025/NĐ-CP;

đ) Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đình chỉ, khôi phục hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, chứng khoán phải sinh; quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ

điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, chứng khoán phái sinh;

e) Có nghị quyết, quyết định tự nguyện chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán; chấm dứt tự nguyện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;

g) Hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố bất khả kháng làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán cho khách hàng.

2. Thành viên bù trừ là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện công bố thông tin bất thường trên trang thông tin điện tử của thành viên bù trừ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 1 Điều này;

b) Không còn đáp ứng một trong các điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại Điều 151 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 66 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP; điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 và khoản 10 Điều 2 Nghị định số 306/2025/NĐ-CP;

c) Khi nhận được văn bản thông báo hoặc quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bị đặt vào tình trạng can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt theo quy định pháp luật ngân hàng.

3. Ngân hàng lưu ký thanh toán thực hiện công bố thông tin bất thường trên trang thông tin điện tử của ngân hàng lưu ký trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều này;

b) Bị Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chấm dứt ghi nhận thông tin thỏa thuận phối hợp bù trừ, thanh toán với thành viên bù trừ chung theo quy chế của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

4. Trường hợp nhà đầu tư không thanh toán tiền mua chứng khoán cho thành viên bù trừ theo quy định pháp luật chứng khoán, thành viên bù trừ nơi bù trừ giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán về giao dịch của nhà đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư này ngay trong ngày nhà đầu tư không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua chứng khoán cho thành viên bù trừ theo quy định.

Điều 38. Công bố thông tin của ngân hàng thanh toán giao dịch chứng khoán

Ngân hàng thanh toán thực hiện công bố thông tin bất thường trên trang thông tin điện tử của ngân hàng thanh toán trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

1. Không còn làm ngân hàng thanh toán tiền cho giao dịch chứng khoán;
2. Hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố bất khả kháng làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hoạt động thanh toán tiền cho các giao dịch chứng khoán;
3. Khi nhận được quyết định xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của ngân hàng thanh toán.

Điều 39. Công bố thông tin của ngân hàng thành viên thanh toán giao dịch công cụ nợ

Ngân hàng thành viên thanh toán thực hiện công bố thông tin bất thường trên trang thông tin điện tử của ngân hàng thành viên thanh toán trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

1. Khi nhận được thông báo của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam hoặc Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về việc đã hoàn tất việc ghi nhận thông tin ngân hàng thành viên thanh toán giao dịch công cụ nợ;
2. Khi nhận được thông báo của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam hoặc Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về việc chấm dứt ghi nhận thông tin ngân hàng thành viên thanh toán tham gia cung cấp dịch vụ thanh toán tiền giao dịch công cụ nợ;
3. Hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố bất khả kháng làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hoạt động thanh toán giao dịch công cụ nợ;
4. Khi nhận được quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý vi phạm do vi phạm các quy định về hoạt động thanh toán qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chương VIII

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA

TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM, CÔNG TY BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Điều 40. Nội dung công bố thông tin của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

1. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Cấp, thu hồi, thay đổi thông tin Giấy chứng nhận thành viên lưu ký, thành viên bù trừ; cấp, thay đổi thông tin Giấy chứng nhận thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh; đình chỉ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của thành viên bù trừ, hủy bỏ tư cách thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh;

b) Thông báo về việc đăng ký chứng khoán, điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký, hủy đăng ký chứng khoán;

c) Cấp mã chứng khoán trong nước dự kiến; mã chứng khoán trong nước và mã số định danh chứng khoán quốc tế;

d) Thực hiện quyền của các chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;

đ) Các trường hợp chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán sau khi có ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

e) Các hình thức xử lý vi phạm đối với thành viên lưu ký, thành viên bù trừ, thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh từ hình thức khiển trách trở lên;

g) Thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán;

h) Hệ thống đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán gặp sự cố bất khả kháng;

i) Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và tổng số cổ phiếu phát hành tại công ty đại chúng;

k) Thông tin về giá thanh toán cuối ngày, giá thanh toán cuối cùng của chứng khoán phái sinh;

l) Công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Định kỳ hằng tháng, quý và năm, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phải công bố các thông tin sau:

a) Số lượng tài khoản lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài;

b) Cấp, hủy bỏ mã số giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ;

c) Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chốt danh sách cổ đông của công ty đại chúng, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời gửi Sở Giao dịch Chứng khoán thông tin về việc công ty không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi trở thành thành viên hoặc không còn là thành viên của các tổ chức quốc tế về thị trường chứng khoán, tham gia ký kết các chương trình hành động, các cam kết quốc tế về phát triển thị trường chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam có nghĩa vụ công bố thông tin về các hoạt động này.

5. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam có nghĩa vụ công bố các thông tin khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 41: Nội dung công bố thông tin của Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

1. Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Các hình thức xử lý vi phạm đối với ngân hàng lưu ký thanh toán từ hình thức khiển trách trở lên;

b) Các trường hợp mất khả năng thanh toán phải áp dụng các biện pháp hỗ trợ, đảm bảo thanh toán;

c) Hệ thống bù trừ, xác định nghĩa vụ thanh toán giao dịch chứng khoán gặp sự cố bất khả kháng;

d) Thông tin về giá thanh toán cuối ngày, giá thanh toán cuối cùng của chứng khoán phái sinh;

đ) Công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện công bố thông tin tối thiểu 02 ngày làm việc trước khi thực hiện áp dụng tỷ lệ ký quỹ đối với thành viên bù trừ, thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh.

3. Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện công bố thông tin tối thiểu 02 ngày làm việc trước khi thực hiện áp dụng, thay đổi các mức giới hạn vị thế.

4. Định kỳ hằng tháng, quý và năm, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo, Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam công bố thông tin về sử dụng quỹ bù trừ.

Chương IX

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Điều 42. Nội dung công bố thông tin về giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Thông tin trong giờ giao dịch

a) Tổng số loại chứng khoán được phép giao dịch;

b) Giá tham chiếu, giá trần, giá sàn, giá mở cửa, đóng cửa của từng ngày giao dịch, giá thực hiện và khối lượng thực hiện của giao dịch gần nhất, giá dự

kiến (trường hợp khớp lệnh định kỳ), giá giao dịch cao nhất trong phiên, giá giao dịch thấp nhất trong phiên, mức và ký hiệu biến động giá của từng loại chứng khoán, giá bình quân của chứng khoán (đối với thị trường Upcom);

c) Giá chào mua, chào bán kèm theo khối lượng tương ứng của từng loại chứng khoán:

- Ba mức giá chào mua, chào bán tốt nhất dự kiến còn lại sau khi khớp lệnh kèm theo khối lượng đặt mua, bán dự kiến còn lại sau khi khớp lệnh tương ứng với các mức giá đó trong đợt khớp lệnh định kỳ;

- Ba mức giá chào mua, chào bán tốt nhất kèm theo khối lượng đặt mua, bán tương ứng với các mức giá đó trong đợt khớp lệnh liên tục;

d) Thông tin giao dịch của trái phiếu, bao gồm: Giá gộp lãi, khối lượng và giá trị của các giao dịch gần nhất. Đối với trái phiếu xanh, việc hiển thị, nhận diện trái phiếu xanh thực hiện theo Quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

đ) Giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài.

2. Thông tin cuối ngày giao dịch

a) Tình trạng các loại chứng khoán; khối lượng mở của từng loại chứng khoán phái sinh;

b) Tổng số chứng khoán được phép giao dịch trong ngày;

c) Chỉ số giá chứng khoán do Sở Giao dịch Chứng khoán xây dựng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận; mức và biến động chỉ số so với ngày giao dịch trước đó;

d) Mức độ dao động giá cổ phiếu trong ngày giao dịch;

đ) Số lệnh, khối lượng đặt mua, bán tương ứng với mỗi loại chứng khoán;

e) Tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường (theo đợt khớp lệnh, ngày giao dịch);

g) Giá, khối lượng và giá trị giao dịch của từng loại chứng khoán:

- Khớp lệnh (theo từng đợt khớp lệnh và ngày giao dịch đối với khớp lệnh định kỳ và theo ngày giao dịch đối với trường hợp khớp lệnh liên tục);

- Thoả thuận (nếu có): Thời điểm, loại thông tin giao dịch công bố thực hiện theo Quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán;

- Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch (nếu có);

h) Số lượng cổ phiếu tối đa được phép nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài; số lượng cổ phiếu hiện đang nắm giữ bởi nhà đầu tư nước ngoài; số lượng cổ phiếu còn được phép nắm giữ bởi nhà đầu tư nước ngoài;

i) Thông tin giao dịch (giá, khối lượng giao dịch, tỷ trọng giao dịch so với toàn thị trường; mức độ, tỷ lệ thay đổi giá, khối lượng giao dịch) về 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch lớn nhất và 10 cổ phiếu biến động giá lớn nhất so với ngày giao dịch gần nhất;

k) Thông tin giao dịch (giá, khối lượng giao dịch, tỷ trọng giao dịch so

với toàn thị trường; mức độ, tỷ lệ thay đổi giá và khối lượng giao dịch) của 10 cổ phiếu có giá trị niêm yết lớn nhất và 10 cổ phiếu có giá thị trường lớn nhất;

l) Thông tin giao dịch (giá, khối lượng giao dịch, tỷ trọng giao dịch so với toàn thị trường; mức độ, tỷ lệ thay đổi giá và khối lượng giao dịch) về trái phiếu bao gồm loại trái phiếu, lãi suất, thời gian đáo hạn, giá thực hiện;

m) Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch;

n) Công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Công bố thông tin khi thực hiện niêm yết mới, thay đổi mẫu hợp đồng chứng khoán, hủy niêm yết chứng khoán phái sinh theo quy định sau:

a) Công bố thông tin về hợp đồng mẫu tối thiểu 30 ngày trước khi thực hiện niêm yết lần đầu chứng khoán phái sinh;

b) Công bố thông tin tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi áp dụng thay đổi điều khoản của hợp đồng mẫu chứng khoán phái sinh đang niêm yết;

c) Công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi hủy niêm yết chứng khoán phái sinh do tài sản cơ sở bị hủy niêm yết.

Điều 43. Nội dung thông tin công bố về tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán; thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường; công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có quản lý quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Thông tin về tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch

a) Thông tin chung về hoạt động niêm yết, đăng ký giao dịch:

- Thông tin về chấp thuận niêm yết, đăng ký giao dịch, ngày giao dịch đầu tiên;
- Thông tin về hủy niêm yết, đăng ký giao dịch;
- Thông tin về thay đổi niêm yết, đăng ký giao dịch, ngày giao dịch bổ sung;
- Thông tin về niêm yết, đăng ký giao dịch lại;
- Thông tin về xử lý vi phạm đối với tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
- Thông tin về chứng khoán không được giao dịch ký quỹ, giao dịch trong ngày;
- Thông tin về chứng khoán bị hạn chế giao dịch;
- Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch.

b) Các thông tin mà tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện báo cáo, công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Thông tin về thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường tại Sở Giao dịch Chứng khoán:

a) Thông tin chung về thành viên:

- Thông tin về chấp thuận thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, lựa chọn thành viên tạo lập thị trường;
- Thông tin về xử lý vi phạm thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường theo Quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Thông tin về hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, chấm dứt hợp đồng tạo lập thị trường của thành viên tạo lập thị trường;
- Thông tin về giá trị giao dịch môi giới của 10 thành viên có thị phần lớn nhất theo quý, bán niên và năm;
- Các thông tin khác.

b) Các thông tin mà thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện báo cáo, công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán.

3. Thông tin về công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có quản lý quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

a) Thông tin chung về công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có quản lý quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

- Thông tin về số lượng công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có quản lý quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Thông tin về số lượng quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quản lý;
- Thông tin về xử lý vi phạm đối với quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo Quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Các thông tin khác.

b) Các thông tin liên quan đến quỹ niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện báo cáo, công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán.

4. Sở Giao dịch Chứng khoán phải công bố thông tin theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 42 và các khoản 1, 2, 3 Điều này trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện hoặc sau khi nhận được tài liệu, hồ sơ công bố thông tin theo quy định của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 44. Thông tin về giám sát thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán phái sinh và thông tin về hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Thông tin giám sát thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán phái sinh bao gồm:

a) Thông tin về tạm ngừng, đình chỉ giao dịch hoặc cho phép giao dịch trở lại đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng khoán phái sinh

niêm yết;

b) Thông tin về chứng khoán bị cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch hoặc không còn bị cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch;

c) Thông tin về giao dịch của cổ đông lớn, giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, giao dịch chào mua công khai, giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch;

d) Thông tin về việc vi phạm quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường;

đ) Thông tin về việc xử lý các vi phạm về hoạt động trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán;

e) Thông tin về thay đổi biên độ dao động giá, áp dụng và thay đổi giới hạn lệnh;

g) Các hướng dẫn, thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán về quản lý, giám sát thị trường theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Sở giao dịch chứng khoán phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện hoặc sau khi nhận được báo cáo, thông báo, hồ sơ công bố thông tin đầy đủ và hợp lệ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Thông tin về hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi trở thành thành viên hoặc không còn là thành viên của các tổ chức quốc tế về thị trường chứng khoán, tham gia ký kết các chương trình hành động, các cam kết quốc tế về phát triển thị trường chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán có nghĩa vụ công bố thông tin về các hoạt động này.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 20.... và thay thế Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Bãi bỏ một số quy định tại các văn bản sau:

a) Bãi bỏ Điều 4 Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (sau đây gọi là Thông tư số 68/2024/TT-BTC);

b) Bãi bỏ Điều 2 Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC (sau đây gọi là Thông tư số 18/2025/TT-BTC);

c) Bãi bỏ Điều 1, Điều 2 và Điều 3 Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC và Thông tư số 18/2025/TT-BTC, Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC.

Điều 46. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kể từ ngày chính thức triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm:

a) Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin quy định tại Điều 41 Thông tư này;

b) Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam không phải thực hiện công bố thông tin đối với các nội dung quy định tại điểm k khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 40 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chính thức triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phải hoàn thành việc lập trang thông tin điện tử và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Trong khoảng thời gian chưa hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử, Công ty Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Điều 47. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và các đối tượng khác có nghĩa vụ

công bố thông tin chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban thuộc Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Công báo cáo, công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCK (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**